

Số: 33 /2020/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách tỉnh Bắc Giang bảo đảm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 910/TTr-KHCN ngày 08 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 và thay thế Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Văn phòng UBND tỉnh: LDVP, TKCT, TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Lê Ánh Dương

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định định mức xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm: nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách tỉnh (áp dụng cho phần ngân sách đối ứng của tỉnh); nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách tỉnh (áp dụng cho phần ngân sách đối ứng của tỉnh); nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 5. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Định mức số ngày công lao động tối đa
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	35
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	07
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	10
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn; báo cáo chuyên đề	30
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ	30
6	Đề xuất giải pháp kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	10
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	35

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể không bao gồm đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Đối với công lao động theo dõi, chỉ đạo các mô hình thì định mức số ngày công thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan đến các mô hình đó. Trong trường hợp không có văn bản hướng dẫn định mức số ngày công thì Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân

chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với thực tế, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự toán tiền công lao động trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây.

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (Hsten)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,5925
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,3675
3	Thành viên	0,1815
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12

d) Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này phụ thuộc vào nội dung thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt bảo đảm theo đúng các quy định của nhà nước.

2. Thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu

a) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/tháng).

b) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/tháng) hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt.

3. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

- a) Người chủ trì: 1.125.000 đồng/buổi hội thảo.
 b) Thư ký hội thảo: 375.000 đồng/buổi hội thảo.
 c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.500.000 đồng/báo cáo.
 d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 750.000 đồng/báo cáo.
 đ) Thành viên tham gia hội thảo: 150.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.
 e) Nội dung và định mức chi khác của hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu chưa quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

a) Lập mẫu phiếu điều tra

Đến 30 chỉ tiêu	350.000 đồng/mẫu phiếu được duyệt
Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	500.000 đồng/mẫu phiếu được duyệt
Trên 40 chỉ tiêu	750.000 đồng/mẫu phiếu được duyệt

b) Nội dung chi, mức chi khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách tỉnh Bắc Giang bảo đảm.

5. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		350

	trong Hội đồng		
--	----------------	--	--

6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chi tiền công của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200

b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ	
	Tổ trưởng tổ thẩm định		700
	Thành viên tổ thẩm định		500
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700

2. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thì dự toán tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ; dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu; dự toán chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu; dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ; một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; định mức chi hoạt động của các hội đồng: bằng 50% định mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Quy định này. Đối với nhiệm vụ

khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính thống nhất quyết định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao dự toán cho các đơn vị quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Việc khoán chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- b) Chủ trì thẩm định kinh phí, ký hợp đồng và cấp kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp;
- c) Kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan thẩm định dự toán, quyết toán kinh phí, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- a) Quản lý, sử dụng kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được phê duyệt;
- b) Thực hiện việc báo cáo và quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng tiến độ, hợp đồng.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan:

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đúng theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã ký, sử dụng kinh phí đúng quy định của nhà nước.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sau thời điểm Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương